

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (36 -)/DA21NNAA

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 12 / 2023

Phòng thi: D71-113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110421070	Thạch Thị SuNa	31/08/2002	Nữ	7,5	4,5	6,0	001	<u>SuNa</u>		
2	110421106	Trần Lê Anh Tuấn	02/08/2003	Nam	6,0	2,5	4,3	002	<u>Tuấn</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1:

Phạm Nguyễn Anh Phi

Cán bộ ghi điểm:

Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (36 -)/DA21NNAB

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/12/2023

Phòng thi: Đ71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110421004	Nguyễn Khắc Tiêu	Bình	10/11/2003	Nữ	8,5	5,8	7,2	203	nhc	
2	110421015	Nguyễn Thị Thảo	Duy	18/08/2003	Nữ	7,0	5,0	6,0	004	vs	
3	110421018	Trần Thị Huỳnh	Giao	14/08/2003	Nữ	7,0	4,5	5,8	005	tn	
4	110421024	Lý Thị Bạch	Hoa	05/09/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	006	th	
5	110421033	Lê Trang Hà	My	02/12/2001	Nữ	8,5	4,3	6,4	007	thang	
6	110421046	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	27/12/2003	Nữ	8,0	3,0	5,5	008	ngoc	
7	110421052	Lý Thị Yến	Nhi	24/12/2003	Nữ	7,0	3,5	5,3	009	ni	
8	110421087	Trương Thị Minh	Thư	05/12/2003	Nữ	8,5	4,3	6,4	010	mt	
9	110421153	Nguyễn Văn	Khánh	06/09/2001	Nữ	7,5	3,5	5,5	011	thai	
10	110421168	Huỳnh Lê Kim	Yến	02/12/2003	Nữ	8,0	4,8	6,4	012	vt	
11	110421230	Lê Minh Tuyết	An	28/06/2003	Nữ	7,5	2,5	5,0	013	an	
12	110421233	Dương Hoàng	Yến	07/09/2003	Nữ	8,5	4,0	6,3	014	yen	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 12

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 12

Tổng số tờ: 12

Cán bộ coi thi 1: Ahl Nguyễn Anh phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 24 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương phượng lan

Cán bộ kiểm tra: Đạt

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (36-)/DA2INNAC

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 12 / 2023

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110421002	Nguyễn Công Bằng	01/01/2003	Nam	8,5	4,3	6,4	003	<i>[Signature]</i>		
2	110421020	Lưu Trần Ngọc Hân	17/02/2003	Nữ	9,0	6,3	7,7	004	<i>[Signature]</i>		
3	110421022	Nguyễn Anh Hào	20/06/2003	Nam	8,5	5,3	6,9	005	<i>[Signature]</i>		
4	110421027	Ngô Gia Huy	09/09/2003	Nam	9,0	3,5	6,3	006	<i>[Signature]</i>		
5	110421032	Châu Quang Minh	01/01/2003	Nam	9,0	6,8	7,9	007	<i>[Signature]</i>		
6	110421039	Nguyễn Hải Nam	29/10/2003	Nam	7,0	4,0	5,5	008	<i>[Signature]</i>		
7	110421044	Hà Tô Thảo Ngân	03/08/2003	Nữ	8,5	5,3	6,9	009	<i>[Signature]</i>		
8	110421065	Nguyễn Lan Phương	13/02/2003	Nữ	7,5	4,8	6,2	010	<i>[Signature]</i>		
9	110421074	Nguyễn Ngọc Mỹ Tâm	15/03/2003	Nữ	8,5	5,8	7,2	011	<i>[Signature]</i>		
10	110421076	Nguyễn Thị Thanh	31/07/2003	Nữ	7,5	5,0	6,3	012	<i>[Signature]</i>		
11	110421081	Trương Hoàn Thiện	09/04/2003	Nam	7,0	4,5	5,8	013	<i>[Signature]</i>		
12	110421103	Nguyễn Hiền Trúc	06/07/2003	Nữ	9,0	4,0	6,5	014	<i>[Signature]</i>		
13	110421111	Đỗ Thị Thúy Vân	12/01/2003	Nữ	9,0	3,8	6,4	015	<i>[Signature]</i>		
14	110421114	Trần Thiên Vi	23/06/2002	Nam	8,5	5,3	6,9	016	<i>[Signature]</i>		
15	110421231	Trương Thị Thùy An	12/02/2003	Nữ	8,5	5,5	7,0	017	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 15

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 15

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 15

Tổng số tờ: 15

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Châu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Signature]

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (36 -)/DA21NNAE

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/12/2023

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110421171	Lâm Thị Linh	15/08/2003	Nữ	7,5	4,8	6,2	015			
2	110421194	Dương Hoàng Mai Anh	24/11/2003	Nữ	7,5	2,3	4,9	016			
3	110421213	Nguyễn Minh Hiền	12/03/2003	Nam	7,5	6,0	6,8	017			
4	110421268	Nguyễn Trọng Tín	19/01/2003	Nam	7,5	3,0	5,3	018			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá:

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Phl Nguyễn Anh phi

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Thanh Cao Dương phượng lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thanh

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

15/12

DJ 1.114

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (36 -)/DA21THB

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 12 / 2023

Phòng thi: DJ 1.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114321024	Trần Thúy Duy	24/12/2003	Nữ	9.0	5,5	7,3	010	<u>Trần</u>		
2	114321029	Huỳnh Ngọc Hân	30/08/2003	Nữ	9,5	4,3	6,9	011	<u>Hân</u>		
3	114321038	Tiêu Nhật Duy	09/11/2003	Nam	8,0	4,8	6,4	012	<u>Tiêu</u>		
4	114321040	Nguyễn Anh Kiệt	15/09/2003	Nam	9,0	5,5	7,3	013	<u>Anh</u>		
5	114321046	Nguyễn Hữu Luân	18/03/2003	Nam	9,0	5,8	7,4	014	<u>Luân</u>		
6	114321079	Nhâm Hiếu Phương	23/06/2003	Nữ	9,0	4,5	6,8	015	<u>Nhâm</u>		
7	114321103	Phan Thị Ngọc Trâm	11/01/2003	Nữ	9,0	5,3	7,2	016	<u>Phan</u>		
8	114321109	Nguyễn Thị Quế Trân	19/12/2003	Nữ	9,0	5,8	7,4	017	<u>Quế</u>		
9	114321223	Nguyễn Hải Ngọc	14/10/2003	Nữ	9,5	5,0	7,3	018	<u>Ngọc</u>		
10	114321248	Trần Thị Ngọc Điện	19/07/2003	Nữ	8,5	4,8	6,7	019	<u>Trần</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10

Tổng số tờ: 10

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đạt

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (36 -)/DA21THC

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
15 / 12 / 2023

Phòng thi: D71. 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114321061	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	14/12/2003	Nữ	9,0	6,8	7,9	005	<u>lv</u>	
2	114321137	Sơn Thị Ngọc	Trình	11/10/2003	Nữ	9,0	5,0	7,0	006	<u>lv</u>	
3	114321182	Trịnh Thị Mỹ	Duyên	09/04/2003	Nữ	8,5	5,8	7,2	007	<u>lv</u>	
4	114321198	Diệp Thiên	Thanh	28/08/2003	Nữ	9,0	6,3	7,7	008	<u>lv</u>	
5	114321219	Hàn Thị Anh	Thư	01/09/2003	Nữ	8,5	3,8	6,2	009	<u>lv</u>	
6	114321241	Nguyễn Kim	Thi	09/07/2003	Nữ	8,5	6,3	7,4	010	<u>lv</u>	
7	114321246	Lê Nguyễn Khánh	Duy	06/06/2003	Nam	9,5	7,0	8,3	011	<u>lv</u>	
8	114321264	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	19/07/2003	Nữ	8,0	4,5	6,3	012	<u>lv</u>	
9	114321292	Võ Thị Tuyết	Nhung	13/07/2003	Nữ	8,0	6,0	7,0	013	<u>lv</u>	
10	114321295	Lâm Gia	Hân	19/11/2003	Nữ	8,5	4,5	6,5	014	<u>lv</u>	
11	114321299	Lâm Thị Uyên	Nhi	09/04/2003	Nữ	8,5	5,5	7,0	015	<u>lv</u>	
12	114321306	Thạch Thị	Rô	25/06/2003	Nữ	9,5	6,3	7,9	016	<u>lv</u>	
13	114321318	Quan Ngọc	Sang	12/10/2003	Nam	9,5	5,3	7,4	017	<u>lv</u>	
14	114321326	Thạch Thị Hoài	My	01/09/2003	Nữ	8,0	3,3	5,7	018	<u>lv</u>	
15	114321330	Phạm Lê	An	03/11/2003	Nữ	9,5	6,0	7,8	019	<u>lv</u>	
16	114321332	Trịnh Thị Thúy	Quyển	19/02/2003	Nữ	9,0	6,0	7,5	020	<u>lv</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 16

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: lv Cao Dương Phụng Lan

Cán bộ kiểm tra: lv

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (36 -)/DA21MNA

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 12 / 2023

Phòng thi: D71. 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114221004	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	04/04/2003	Nữ	8,0	4,3	6,2	001	<u>Nguyễn Thị Mỹ</u>	
2	114221016	Trần Nguyễn	Ngọc	30/10/2000	Nữ	8,5	4,3	6,4	002	<u>Trần Nguyễn Ngọc</u>	
3	114221027	Lê Yên	Thơ	06/11/2003	Nữ	8,5	4,3	6,4	003	<u>Lê Yên Thơ</u>	
4	114221038	Lê Thị Diễm	Trinh	07/05/2003	Nữ	8,0	2,5	5,3	004	<u>Lê Thị Diễm Trinh</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 80 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (36 -)/DA21TCNHB

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 12 / 2023

Phòng thi: 071112

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114521128	Nguyễn Như	Anh	15/09/2003	Nữ	7,5	3,8	5,7	018	<u>Nguyễn Như Anh</u>		
2	114521148	Trần Vũ	Trường	13/08/2003	Nam	7,5	5,5	6,5	019	<u>Trần Vũ Trường</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm:

Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (36 -)/DA21NNK

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 12 / 2023

Phòng thi: 071.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114821001	Lâm Anh	23/06/2001	Nam	9,0	4,3	6,7	001			
2	114821010	Thạch	22/03/1993	Nam	9,0	4,0	6,5	002			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: ✓

Cán bộ coi thi 1: Đ. Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Thạch Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đ. Nguyễn Thanh Thanh

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (36 -)/DA21NNAD

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 12 / 2023

Phòng thi: DH.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110421152	Trần Minh	Đức	04/04/2003	Nam	7.0	4.0	5.5	003			
2	110421159	Kiên Thanh	Thảo	18/09/2003	Nữ	7.5	2.8	5.2	004			
3	110421162	Võ Đức	Tài	10/11/2003	Nam	7.0	2.5	4.8	005			
4	110421172	Kim Thị Yến	Nhi	07/01/2003	Nữ	7.0	3.8	5.4	006			
5	110421206	Nguyễn Chí	Bảo	16/05/2003	Nam	7.0	3.0	5.0	007			
6	110421209	Huỳnh Hoàng	Tuấn	14/04/2003	Nam	7.0	5.5	6.3	008			
7	110421228	Huỳnh Việć	Trung	04/12/1996	Nam	5.5	4.0	4.8	009			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Đặng Trần Thu Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương Phước Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đặng

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (36 -)/DA21DT

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 12 / 2023

Phòng thi: DT1.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115221020	Tạ Trường Thịnh	03/09/2003	Nam	5,0	2,8	3,9	001	<u>OK</u>		
2	115221026	Trần Võ Anh Khoa	24/10/2003	Nam	5,5	2,8	4,2	002	<u>Anh Khoa</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Lê

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (36 -)/DA21XYH

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 12 / 2023

Phòng thi: DT1.11.4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115321027	Thạch Thị Thanh Nhi	24/09/2003	Nữ	6,5	5,3	5,9	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành